BÁO CÁO SỐ LIỆU SƠ BỘ LUẬN ÁN ĐÔNG HƯNG

I. Thông tin chung

- Số lượng CTV là trẻ tự kỉ: 110 trẻ (trẻ tự kỉ điển hình)

- Bảng hỏi: đánh giá mức độ ngôn ngữ của trẻ do phụ huynh, giáo viên trực tiếp dạy trẻ

- Địa điểm khảo sát: 03 địa điểm trên địa bàn Hà Nội

+) Trung tâm ATEC (ĐC: số 29N03 ngõ 14, Thọ Pháp, Dịch Vọng, Cầu Giấy (40CTV)

+) Trung tâm Hoa Anh Đào, số 66 ngõ 80 Hoa Lâm, Long Biên, Hà Nội (30CTV)

+) Trung tâm SEED, số 8/10, ngõ 19 Trần Quang Diệu, Đống Đa, Hà Nội (40CTV)

- Số lượng nam: nữ = 84:26
- Căn cứ theo số tháng tuổi

Số tuổi	Tháng tuổi tương ứng	Số lượng CTV
5 tuổi	48 - 60	10
6 tuổi	61 - 72	10
7 tuổi	73 - 84	10
8 tuổi	85 - 96	10
9 tuổi	97 - 108	10
10 tuổi	109 - 120	10
11 tuổi	121 - 132	10
12 tuổi	133 - 144	10
13 tuổi	145 - 156	10
14 tuổi	157 - 168	10
15 tuổi	169 - 180	10
Tổng		110

II. Kết quả khảo sát

1. ~~1.~~ NGỮ ÂM

- **Phần này phân tích theo các thành phần của cấu trúc tiếng Việt để xem mỗi độ tuổi biết được những âm vị nào. Làm bảng phần trăm và vẽ biểu đồ.**

Từ thử	Tổng	5 tuổ	6 tuổ	7 tuổ	8 tuổ	9 tuổ	10	11	12	13	14	15

		i	i	i	i	i	tuổi	tuổi	tuổi	tuổi	tuổi	tuổi
bí	96	10	7	6	9	8	10	8	9	10	10	9
bảng	93	10	7	4	8	7	10	8	10	10	10	9
bụng	105	10	8	9	9	9	10	10	10	10	10	10
bốn	89	9	7	3	8	6	10	8	9	10	10	9
thịt	95	10	8	5	8	7	10	8	10	10	10	9
thổi	100	10	9	6	9	9	10	9	9	10	10	9
thỏ	100	10	8	8	8	9	10	8	10	10	10	9
tim	94	10	6	4	9	9	9	9	9	10	10	9
táo	104	10	9	9	9	9	10	9	10	10	10	9
tết	82	8	4	3	8	4	9	8	9	10	10	9
đu	86	9	6	3	7	6	9	8	9	10	10	9
đũa	102	10	8	7	10	9	10	8	10	10	10	10
đinh	85	10	6	4	7	4	8	8	9	10	10	9
tre	86	9	6	3	7	6	9	8	9	10	10	9
trừng	82	8	4	2	8	5	9	8	9	10	10	9
trống	95	10	7	5	8	7	10	9	10	10	10	9
chữ	95	10	7	6	9	7	10	8	9	10	10	9
chuông	98	10	7	5	9	9	10	9	10	10	10	9
trống	91	10	6	5	8	6	10	8	9	10	10	9
chữ	92	10	6	6	8	6	10	8	9	10	10	9
khỉ	98	10	7	7	8	9	10	8	10	10	10	9
khóc	104	10	9	7	10	9	10	9	10	10	10	10
khăn	95	10	6	6	8	6	10	9	10	10	10	10
gà	106	10	9	9	10	9	10	9	10	10	10	10
hót	81	8	5	4	7	4	8	8	9	10	10	8
hậu	78	7	5	2	7	4	8	8	9	10	10	8
lịch	89	9	5	5	8	5	10	8	10	10	10	9
giường	102	10	8	8	9	8	10	10	10	10	10	9
chuông	95	10	7	5	8	9	9	9	9	10	10	9
cha	98	10	8	7	9	7	10	8	10	10	10	9

nh												
cổ	101	10	8	8	9	9	10	9	9	10	10	9
kẹo	105	10	9	8	9	9	10	10	10	10	10	10
kênh	81	8	5	3	6	5	8	8	9	10	10	9
que	88	9	5	6	8	5	9	8	9	10	10	9
quạt	102	10	7	8	9	8	10	10	10	10	10	10
em	99	10	8	7	9	7	10	9	10	10	10	9
ớt	95	10	8	6	8	6	9	9	10	10	10	9
ếch	97	10	8	7	8	7	10	8	10	10	10	9
ốc	94	10	7	6	8	7	10	8	9	10	10	9
oa	84	8	6	4	7	5	8	8	9	10	10	9
mía	91	10	6	5	8	6	9	8	10	10	10	9
mực	92	10	7	4	8	6	10	8	10	10	10	9
một	92	10	7	5	9	5	10	8	9	10	10	9
nơ	91	9	4	5	8	8	10	9	9	10	10	9
nấm	89	9	7	3	8	6	10	8	9	10	10	9
núi	92	9	7	4	8	7	9	9	10	10	10	9
nón	92	10	5	5	9	7	10	8	9	10	10	9
nhíp	76	7	3	2	7	3	8	8	9	10	10	9
nho	103	10	8	9	9	9	10	9	10	10	10	9
ghế	103	10	8	6	9	10	10	10	10	10	10	10
gấc	81	8	4	3	6	5	8	8	10	10	10	9
hề	81	9	5	3	6	4	8	8	9	10	10	9
hoa	102	10	8	8	9	9	10	9	10	10	10	9
ly	88	9	5	5	8	6	9	8	9	10	10	9
chiếc	82	9	6	2	6	4	9	8	9	10	10	9
pin	87	9	6	4	8	4	9	8	10	10	10	9
nhện	93	9	8	5	8	7	10	8	9	10	10	9
nhảy	101	10	7	8	9	9	10	9	10	10	10	9
nghe	96	10	7	7	8	7	10	8	10	10	10	9
ngủ	101	10	8	8	9	7	10	9	10	10	10	10
ngồi	104	10	9	8	9	9	10	9	10	10	10	10
phim	91	9	6	6	8	5	10	8	10	10	10	9
phơi	90	9	5	5	9	6	9	8	10	10	10	9
phấn	89	10	7	3	8	5	9	8	10	10	10	9

vẽ	103	10	8	8	9	9	10	10	10	10	10	9
voi	97	10	7	8	8	7	10	8	10	10	10	9
võng	87	9	4	5	8	5	10	8	9	10	10	9
xiếc	84	9	5	3	8	4	9	8	9	10	10	9
xúc	100	10	6	7	9	9	10	10	10	10	10	9
xương	90	10	5	4	8	6	10	8	10	10	10	9
dép	103	10	8	8	8	10	10	9	10	10	10	10
dâu	95	10	8	7	8	7	9	8	9	10	10	9
giếng	82	8	4	3	8	5	8	8	9	10	10	9
sen	90	10	5	5	8	6	10	8	9	10	10	9
sữa	104	10	9	9	9	8	10	9	10	10	10	10
sách	98	10	8	7	9	7	10	8	10	10	10	9
rễ	83	8	5	3	7	5	8	8	10	10	10	9
rùa	96	10	8	7	8	6	10	8	10	10	10	9
rau	97	10	8	7	9	7	9	8	10	10	10	9
hộp	92	9	6	6	9	7	9	8	9	10	10	9
hoàng	77	7	4	2	6	5	8	8	9	10	10	8
lược	98	10	8	6	9	7	10	9	10	10	10	9
vuông	97	10	7	7	8	8	10	8	10	10	10	9
pa tê	84	9	4	3	7	5	9	8	10	10	10	9

Nhận xét:

- Trẻ phát âm được hầu hết các âm
- Những phụ âm môi phát âm tốt nhất
- Những âm thể hiện các từ thân thuộc với trẻ tỉ lệ phát âm được cao

2. ~~2.~~ TỪ VỰNG

Phần này tính toán và phân loại thành 3 loại đánh giá: Chưa dùng, Đôi khi dùng, và Thường xuyên dùng. Phân tích những từ trong từng nhóm đó và đưa ra theo luận và hàm ý nghiên cứu.

Từ thử	5 tuổi	6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	15 tuổi	Tổng
khủng	9	4	3	7	5	7	7	8	7	8	7	72

long												
ngựa	9	7	5	8	6	10	8	9	8	9	7	86
hươu sao	7	5	2	8	4	8	6	8	8	8	7	71
lâu đài	6	2	2	3	3	6	6	9	8	9	6	60
trống	7	2	4	7	4	9	8	9	8	9	7	74
bóng đá	7	4	3	5	5	10	7	9	8	10	7	75
cái kính	7	4	3	8	6	9	7	9	8	9	7	77
xe ba bánh	4	3	2	4	4	6	6	8	7	8	7	59
diều	5	2	5	6	5	6	7	9	8	10	7	70
xe bò	9	6	5	8	5	9	6	8	8	9	7	80
chanh	8	5	3	8	5	10	8	9	8	9	7	80
lạc	8	3	5	6	4	8	8	9	8	10	7	76
bánh quy	8	7	3	8	6	10	8	9	8	7	7	81
muối	6	3	4	5	4	9	7	9	7	10	6	70
xốt / nước rưới/cháo	6	2	1	4	4	7	7	9	7	8	6	61
sô-cô-la	6	5	3	7	5	8	7	9	6	8	6	70
rau củ quả	5	3	2	4	5	7	5	9	7	7	7	61
đỗ	4	3	4	8	5	10	8	9	8	10	7	76
quần bò	5	3	2	5	3	7	7	9	8	7	7	63
khuỷu tay	3	3	1	2	3	5	6	9	8	8	6	54
móng tay	3	3	1	5	4	8	7	9	7	8	7	62
ngón cái	4	3	2	3	3	7	7	9	8	8	6	60
băng (gạc)	3	2	1	2	3	3	6	9	8	7	7	51
lưỡi dao	3	4	1	2	3	4	6	9	6	7	6	51
máy tính	7	4	2	8	5	10	7	9	8	8	7	75

cốc	10	7	6	8	6	10	8	9	9	10	7	90
lọ/ chai	6	4	4	8	5	9	8	9	9	9	7	78
thang leo	3	3	1	2	3	5	6	8	8	8	6	53
vật liệu	1	0	1	2	2	3	5	8	8	7	6	43
con tem	1	0	1	2	3	5	6	9	7	8	6	48
lốp	4	0	2	3	2	6	7	9	8	9	6	56
đồ dùng	7	3	2	6	4	9	6	8	8	7	7	67
bếp	8	7	4	8	6	9	8	9	9	10	6	84
ghế băng	3	2	2	4	3	5	5	8	10	7	6	55
mây	7	3	3	6	4	9	8	9	9	10	7	75
hàng rào	2	2	2	2	3	8	7	9	8	7	7	57
vòi cứu hoả	3	1	1	3	2	4	7	8	7	7	6	49
lề đường	2	2	1	2	2	4	7	8	8	7	6	49
sở thú	3	3	1	4	2	8	7	9	8	7	6	58
đứa trẻ	5	3	1	4	3	7	6	9	8	8	6	60
siêu nhân	6	2	3	7	3	7	7	9	8	7	7	66
gia đình	6	3	1	5	4	9	7	9	9	8	6	67
nông dân	4	2	2	5	3	8	7	9	8	7	6	61
không có ai	2	2	1	3	3	5	7	9	9	7	7	55
y tá	7	3	3	6	4	9	6	9	10	8	7	72
bị ngã	8	3	2	6	6	9	7	9	9	9	7	75
hình tròn	8	7	2	8	6	10	7	9	9	8	7	81
đằng trước	4	2	1	5	3	6	7	9	9	7	6	59
ý kiến	3	2	1	3	2	3	5	9	8	8	6	50
cắm trại	3	2	1	4	3	5	6	9	8	9	6	56
bắt	6	5	5	7	3	9	7	9	9	10	7	77
làm rơi	7	3	1	6	4	9	7	9	8	7	7	68

làm nhanh	2	2	1	3	2	5	6	9	8	7	6	51
quên	5	2	2	4	5	7	7	9	8	9	6	64
ghét	2	3	3	4	3	3	7	9	8	9	6	57
vội	1	1	3	3	2	3	7	9	8	10	6	53
rời đi	2	3	1	2	2	3	5	9	8	7	6	48
đo	3	2	3	2	2	6	7	9	8	9	6	57
gọt vỏ	3	2	1	2	2	5	7	9	8	7	7	53
hứa	1	2	3	2	2	4	7	9	8	10	6	54
trượt ván	3	2	1	2	2	5	6	9	7	7	6	50
hắt xì	6	4	3	6	3	7	7	9	9	7	7	68
lộn nhào	2	1	2	2	2	4	4	8	8	7	7	47
nghĩ	4	3	3	5	3	7	8	9	9	9	7	67
đen	7	3	5	6	5	8	8	9	9	9	7	76
chán	3	3	3	2	3	3	6	9	8	8	6	54
sâu	3	1	2	2	2	3	7	9	8	10	6	53
khác	4	3	3	4	3	7	8	9	7	9	7	64
trống/ rỗng	3	2	2	3	2	5	7	9	8	8	6	55
đắt	3	1	3	3	2	4	7	9	8	9	6	55
ổn	3	1	2	2	2	3	7	9	7	10	6	52
một nửa	2	2	1	2	2	5	6	9	8	8	6	51
dài	6	3	4	6	5	9	8	9	9	9	7	75
mất	7	3	3	5	3	8	8	9	8	10	7	71
tức giận	3	4	1	5	2	5	7	9	8	8	6	58
riêng	3	0	2	2	2	3	8	9	8	8	6	51
trước	3	3	2	4	4	7	8	9	9	9	7	65
thế và	1	0	1	2	2	3	5	9	8	7	6	44
hôm nay	5	3	2	6	5	8	7	9	8	7	7	67
tuần	3	1	2	3	4	5	8	9	8	8	6	57
hôm qua	3	1	1	4	3	6	7	9	8	7	7	56
của họ	1	1	1	4	2	3	6	9	8	7	6	48
họ	1	1	3	2	2	4	7	9	8	10	6	53
những cái kia	1	2	1	2	2	3	6	8	7	7	6	45

tự con	2	1	1	3	2	3	6	9	8	7	6	48
tại sao	3	2	1	4	3	7	7	9	8	7	6	57
về	7	5	5	6	5	9	8	9	8	10	7	79
phía trên	4	2	2	7	3	7	7	9	9	7	7	64
rời xa	1	1	1	2	2	3	6	9	7	7	6	45
giữa	3	1	2	3	3	5	8	9	7	9	6	56
trên nóc	3	1	1	2	2	3	6	9	9	7	6	49
mỗi	3	1	3	2	2	4	6	9	8	8	6	52
tất cả	4	2	2	5	3	7	7	9	9	8	7	63
không	9	5	5	7	5	9	6	9	9	9	7	80
cần	4	3	3	5	3	5	7	9	8	10	6	63
cần phải	2	1	1	2	2	3	6	9	8	7	6	47
đã	4	2	4	5	3	4	7	9	8	10	6	62
mặc dù	2	0	1	2	2	3	6	9	8	8	6	47
vì	5	2	3	6	3	6	8	9	8	10	6	66
dù sao	2	0	1	2	2	3	6	9	8	8	6	47

Khả năng ghép từ

Độ tuổi	Vẫn chưa	Đôi khi	Thường xuyên
5 tuổi	2	6	2
6 tuổi	3	4	3
7 tuổi	7	3	0
8 tuổi	1	6	3
9 tuổi	5	3	2
10 tuổi	0	7	2
11 tuổi	5	4	1
12 tuổi	4	3	3
13 tuổi	3	2	5
14 tuổi	4	3	3
15 tuổi	2	1	7

Tổng	36	42	31

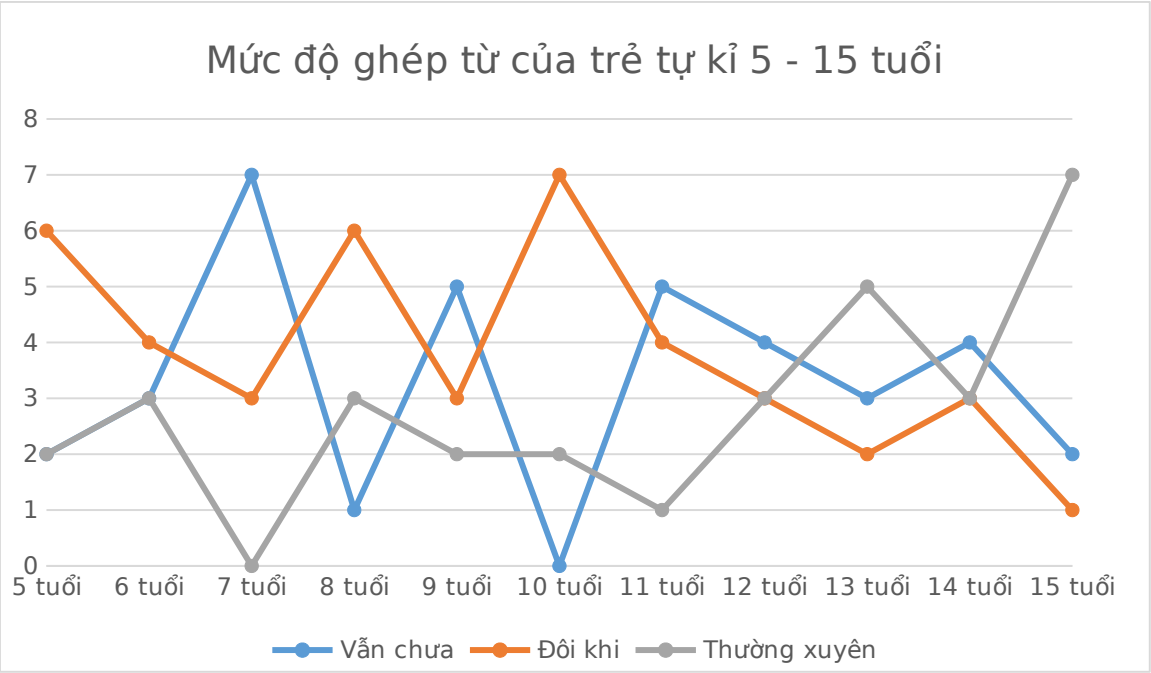

Nhận xét: Trẻ tự kỉ thường nói từ đơn, khả năng ghép từ còn hạn chế

3. ~~3.~~ NGỮ PHÁP

Phần này phân loại các nhóm câu để xem những kiểu loại câu nào trẻ dùng nhiều nhất hay ít nhất theo từng độ tuổi.

	Câu 1			Câu 2			Câu 3			Câu 4		
Độ tuổi	Vẫn chưa	Đôi khi	Thường xuyên	Vẫn chưa	Đôi khi	Thường xuyên	Vẫn chưa	Đôi khi	Thường xuyên	Vẫn chưa	Đôi khi	Thường xuyên
5 tuổi	2	5	1	0	7	1	1	6	1	3	2	2
6 tuổi	2	3	2	2	2	3	3	1	3	3	4	0
7 tuổi	3	1	0	1	3	0	1	3	0	4	0	0
8 tuổi	3	5	1	1	5	3	2	5	2	6	3	0
9 tuổi	3	2	1	2	2	2	1	4	1	4	2	0
10 tuổi	1	6	3	2	4	4	0	6	4	4	3	3
11 tuổi	1	2	2	0	2	3	0	3	2	1	2	2

12 tuổi	0	3	3	0	3	3	1	2	3	1	3	2
13 tuổi	0	3	5	0	2	6	1	2	5	2	2	4
14 tuổi	0	3	3	0	3	3	0	2	4	1	2	3
15 tuổi	0	1	7	0	1	7	1	0	7	2	1	5
	15	34	28	8	34	35	11	34	32	31	24	21

Mức độ ghép từ/câu

Độ tuổi	Vẫn chưa	Đôi khi	Thường xuyên
5 tuổi	1	5	1
6 tuổi	5	2	3
7 tuổi	7	3	0
8 tuổi	1	4	5
9 tuổi	5	3	2
10 tuổi	0	5	3
11 tuổi	2	4	1
12 tuổi	1	3	3
13 tuổi	0	2	5
14 tuổi	1	1	4
15 tuổi	2	1	7
Tổng	25	33	34

CÂU PHỨC TẠP

Danh sách câu thử

1.	Hai giày.	○
	Hai cái giày.	○
3.	Xe bố.	○

2.	Hai áo.	○
	Hai cái áo	○
4.	*(Nói về việc gì đang xảy ra lúc đó)* Mèo ngủ.	○

	Xe của bố.	O
5.	*(Nói về việc đang xảy ra lúc này)* Con xây tháp.	O
	Con đang xây tháp.	O
7.	Bánh qui nữa!	O
	Thêm bánh qui nữa!	O
9.	Sữa nữa.	O
	Uống sữa nữa	O
11.	*(Nói về việc đã xảy ra.)* Bố bế rồi.	O
	Bố vừa bế con rồi.	O
13.	Chó bàn.	O
	Chó trên bàn.	O
15.	Em bé khóc.	O
	Em bé đang khóc.	O
17.	Đọc con truyện mẹ ơi.	O
	Đọc cho con truyện, mẹ ơi	O
19.	Muốn thêm nước ép.	O
	Muốn nước ép trong này.	O
21.	Đi tạm biệt .	O
	Muốn đi tạm biệt.	O
23.	Cà phê nóng.	O
	Cà phê đó nóng.	O
25.	Tôi thích đọc truyện.	O
	Tôi thích được đọc truyện.	O
27.	Bật đèn lên.	O
	Bật đèn lên để con có thể nhìn thấy.	O
29.	Muốn bánh quy.	O
	Muốn bánh quy và sữa.	O
31.	Em bé muốn ăn.	O
	Em bé muốn được ăn.	O
33.	Nhìn nè!	O
	Nhìn con có cái gì nè!	O
35.	Chúng tôi làm ra cái này.	O
	Con và Nam làm ra cái này.	O
37.	Em bé khóc.	O
	Em bé khóc vì nó buồn.	O

	Mèo đang ngủ.	O
6.	*(Nói về việc đã xảy ra.)* Con bị ngã.	O
	Con bị ngã rồi.	O
8.	Răng con	O
	Cái răng con.	O
10.	*(Nói về việc đã xảy ra.)* Chó thơm con.	O
	Chó vừa thơm con.	O
12.	*(Nói về việc đã xảy ra.)* Mèo đi	O
	Mèo đi đâu rồi.	O
14.	Đấy xe của con.	O
	Đấy là xe của con.	O
16.	Bố/Mẹ chữa xe?	O
	Bố mẹ có thể chữa nó không?	O
18.	Không rửa búp bê	O
	Đừng rửa búp bê	O
20.	Đây con mèo.	O
	Ở đây có con mèo.	O
22.	Mẹ đi?	O
	Mẹ đi đâu rồi?	O
24.	Tôi không làm thế.	O
	Tôi không thể làm thế.	O
26.	Đừng đọc sách.	O
	Bạn muốn đọc nó chứ?	O
28.	Tôi muốn nó.	O
	Tôi muốn cái bạn đang có.	O
30.	Bánh quy mẹ.	O
	Bánh quy cho mẹ.	O
32.	Nhìn con nè!	O
	Nhìn con múa nè!	O
34.	Búp bê của con đâu?	O
	Búp bê Sam của con đâu?	O
36.	Tôi hát bài hát.	O
	Tôi hát bài hát cho bạn.	O

Số lượng trẻ chọn nói câu phức tạp (lựa chọn số 2)

Câu thử	5 tuổi	6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	15 tuổi	Tổng

Câu 1	3	2	1	1	4	2	0	1	2	0	2	18
Câu 2	3	2	0	0	2	3	0	2	2	0	2	16
Câu 3	3	2	0	2	2	2	1	1	2	1	3	19
Câu 4	4	4	3	2	0	2	2	3	1	0	2	23
Câu 5	5	4	2	3	3	1	0	2	3	1	2	26
Câu 6	7	4	2	5	4	6	3	3	4	1	2	41
Câu 7	3	4	3	5	4	4	2	2	2	1	1	31
Câu 8	4	4	2	1	2	5	2	3	1	1	1	26
Câu 9	2	3	2	1	1	3	1	2	3	1	0	19
Câu 10	2	5	2	4	3	6	3	5	3	3	1	37
Câu 11	5	5	2	4	3	7	4	4	3	3	3	43
Câu 12	3	2	1	1	1	3	2	2	0	2	0	17
Câu 13	2	3	2	1	1	2	2	1	1	2	0	17
Câu 14	3	4	1	3	4	3	2	3	1	2	1	27
Câu 15	6	4	2	4	2	3	2	2	3	2	2	32
Câu 16	5	5	1	5	3	6	4	3	1	2	2	37
Câu 17	3	5	2	3	4	4	2	3	1	2	1	30
Câu 18	3	4	2	5	3	7	4	4	2	3	1	38
Câu 19	3	5	2	5	4	9	4	4	2	2	3	43
Câu 20	5	5	1	3	4	7	3	3	1	2	1	35
Câu 21	6	5	2	4	5	8	3	4	1	2	1	41
Câu 22	4	3	1	1	2	4	2	1	1	1	0	20
Câu 23	5	5	3	7	4	9	4	5	3	2	2	49
Câu 24	2	5	2	4	3	8	3	6	3	3	2	41
Câu 25	4	5	2	6	4	9	3	5	3	2	2	45
Câu 26	5	4	2	6	4	8	4	6	4	3	3	49
Câu 27	7	5	2	7	4	10	4	5	4	2	4	54
Câu 28	5	5	2	5	4	9	4	6	4	3	3	50
Câu 29	3	5	2	5	5	8	3	2	1	1	1	36
Câu 30	3	4	1	2	4	3	2	3	1	2	0	25
Câu 31	5	5	2	6	5	7	4	5	3	3	2	47
Câu 32	3	5	2	3	2	5	4	6	3	2	0	35
Câu 33	5	5	2	5	4	6	3	3	3	2	1	39
Câu 34	2	5	1	6	4	6	4	6	3	4	4	45
Câu 35	2	5	1	2	2	4	4	5	2	3	1	31
Câu 36	3	5	2	5	4	9	4	6	3	3	3	47
Câu 37	7	5	3	7	5	10	4	5	4	2	3	55

Danh sách câu thử

1	○		5	○		9.	○	Con muốn xe tải.

.		Bố đón con.	.		Đừng đọc sách.			
	○	Bố đã đón con.		○	Không muốn bố/mẹ đọc cuốn sách đó.		○	Con muốn chiếc xe giống bạn ấy có.

2.	○	Đó xe tải của con.	6.	○	Tại sao nó chạy đi?	10.	○	Con búp bê này to.
	○	Đó là xe tải của con.		○	Tại sao nó đã chạy đi?		○	Con búp bê này to còn con kia thì nhỏ.

3.	○	Cà phê nóng.	7.	○	Anh ấy đã làm thế.	11.	○	Chân con lợn này gãy.
	○	Cà phê đó nóng.		○	Con biết ai đã làm thế.		○	Chân con lợn gãy nhưng mèo thì không.

4.	○	Con thích những truyện đã đọc.	8.	○	Chúng ta phải đi bây giờ.	12.	○	Nó hỏng rồi.
	○	Con thích đọc truyện.		○	Con nghĩ chúng ta phải đi bây giờ.		○	Nó bị hỏng tại chiếc xe.

Số lượng trẻ lựa chọn câu số 2

Câu thử	5 tuổi	6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	15 tuổi	Tổng
C1	7	5	3	6	5	9	4	5	4	2	4	54
C2	2	4	2	3	2	3	3	4	2	2	0	27
C3	5	5	3	5	5	7	3	5	3	2	3	46
C4	0	4	0	1	1	1	1	0	0	1	1	10
C5	2	5	2	4	4	6	4	5	4	3	4	43
C6	3	5	2	5	3	8	4	6	4	3	4	47
C7	3	5	2	5	3	8	4	6	4	3	3	46
C8	3	5	2	4	3	7	4	6	4	3	3	44
C9	5	5	2	5	5	9	4	6	4	3	3	51
C10	4	5	3	4	3	5	3	6	4	3	4	44
C11	3	5	2	4	5	7	4	6	4	3	4	47
C12	4	5	3	5	5	7	4	6	4	3	3	49

4. ~~4.~~ GIAO TIẾP

Tính tỉ lệ phần trăm % các câu trả lời cho từng vấn đề. Thảo luận và đưa ra hàm ý nghiên cứu.

Đánh giá mức độ lo lắng của phụ huynh, giáo viên về các vấn đề của trẻ tự kỉ

Danh sách những vấn đề phụ huynh quan tâm

1. Vui lòng liệt kê bất kỳ mối quan tâm nào về việc học tập, phát triển và hành vi của con anh/chị?
2. Anh/chị có lo lắng nào về cách con anh/chị nói và giọng nói của cháu không?
3. Anh/chị có lo ngại nào về việc hiểu của cháu khi cháu nghe anh/chị nói không?
4. Anh/chị có lo ngại nào về cách dùng tính từ để miêu tả của con anh/chị không?
5. Anh/chị có lo ngại nào về cách bắt chuyện và nói chuyện của con anh/chị không?
6. Anh/chị có lo ngại nào về cách dùng ngôn ngữ lặp lại/rập khuôn của con anh/chị không?
7. Anh/chị có lo ngại nào về học các kĩ năng con anh/chị ở trường mầm non hoặc trường học không
8. Anh/chị có lo ngại nào về kĩ năng nói của con anh/chị không?
9. Vui lòng liệt kê bất kỳ mối lo ngại nào khác?

Lựa chọn 2: Phụ huynh lo lắng

Vấn đề quan tâm	5 tuổi	6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi	15 tuổi	Tổng
Vấn đề 1	10	8	10	8	6	6	2	0	1	0	3	54
Vấn đề 2	9	7	6	7	6	7	5	3	3	5	5	63
Vấn đề 3	10	8	7	8	8	7	5	3	3	7	4	70
Vấn đề 4	10	10	8	8	7	8	6	3	3	6	4	73
Vấn đề 5	9	6	6	8	6	9	6	2	3	5	3	63
Vấn đề 6	10	7	8	8	7	8	5	2	3	5	4	67
Vấn đề 7	10	6	5	7	5	7	5	2	2	5	3	57
Vấn đề 8	7	3	2	6	3	6	4	2	2	6	3	44
Vấn đề 9	7	9	5	6	6	5	1	1	1	0	4	45